

TRƯỜNG ĐH KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP
TRUNG TÂM THỰC NGHIỆM

Môn học: **WSH416**

Thực tập chuyên ngành

**BẢNG ĐIỂM THỰC TẬP
TRUNG TÂM THỰC NGHIỆM**

Học Kỳ II năm học 2015 - 2016

STT	Mã số SV	Họ	Tên	Ngày sinh	ĐL	ĐT	TB	MĐ	Trung bình	Xét	Ghi chú
1	DTK1151020350	Nguyễn Minh	An	30/07/92	b	b			0,0	Thiếu ban	
2	K125520201076	Nguyễn Hữu	An	05/08/94	b			b	0,0	Thiếu ban	
3	K125520216216	Bùi Duy	An	12/03/94	7	7	7		5,3	Thiếu ban	
4	DTK0851020317	Tôn Văn	Anh	10/8/1990	5		B		1,3	Thiếu ban	
5	DTK1051020167	Nguyễn Tuấn	Anh	20/08/92	8	8		6	5,5	Thiếu ban	
6	DTK1151030120	Lương Đức	Anh	23/11/92		b			0,0	Thiếu ban	
7	K125140214009	Nguyễn Thị Châm	Anh	25/05/94	10			4	3,5	Thiếu ban	
8	K125520201077	Nguyễn Tuấn	Anh	29/03/94		2			0,5	Thiếu ban	
9	K125520201145	Đào Vũ	Anh	30/11/94			8	6	3,5	Thiếu ban	
10	K125520201155	Lê Tuấn	Anh	10/01/1993	8	8	8	7	7,8	Đạt	Học theo nhu cầu
11	K125520201228	Hoàng Duy	Anh	27/09/94	8	8	8		6,0	Thiếu ban	
12	K125520216006	Phó Ngọc	Anh		1	8	7		4,0	Thiếu ban	
13	K125520216272	Trần Việt	Anh	04/07/93	8	8	8	8	8,0	Đạt	
14	K135520216124	Nguyễn Đức	Anh	24/04/95	8				2,0	Thiếu ban	
15	K135520216190	Hạ Hoài	Anh	04/09/94			8		2,0	Thiếu ban	
16	K135520216288	Nguyễn Tuấn	Anh	23/03/95			8		2,0	Thiếu ban	
17	K125140214020	Đông Thị Ngọc	Ánh	19/08/93			8		2,0	Thiếu ban	
18	1141100024	Vì Văn	Ba	30/07/90	8		8		4,0	Thiếu ban	
19	DTK1151020352	Hoàng Văn	Bằng	6/5/1992	8	8	8	7	7,8	Đạt	Học theo nhu cầu
20	K125520216219	Liều Văn	Bảo	16/07/94			b		0,0	Thiếu ban	
21	K125520216008	Hoàng Văn	Bình	29/06/93				7	1,8	Thiếu ban	
22	K125520216218	Trần Văn	Bình	22/05/93			8	6	3,5	Thiếu ban	
23	K135520216197	Nguyễn Thị	Bình	13/12/95		7	8		3,8	Thiếu ban	
24	K125520216275	Lương Như	Bộ	16/03/94	5		8	8	5,3	Thiếu ban	
25	K125520201231	Bùi Văn	Cảnh		8	6	7	8	7,3	Đạt	
26	K125520201012	Hoàng Văn	Cảnh	20/10/94			8	4	3,0	Thiếu ban	

STT	Mã số SV	Họ	Tên	Ngày sinh	ĐL	ĐT	TB	MĐ	Trung bình	Xét	Ghi chú
27	DTK0951020434	Phan Văn	Chi	18/03/91	8	7	8	8	7,8	Đạt	
28	K125520216013	Đoàn Đức	Chí	30/08/93			8	4	3,0	Thiếu ban	
29	K125520216121	Nguyễn Văn	Chí	21/02/94	8	8	7	8	7,8	Đạt	
30	DTK1151030187	Phạm Tiến	Chiến	27/03/93			8	7	3,8	Thiếu ban	
31	K125520201235	Triệu Văn	Chiến	03/01/94	7		8		3,8	Thiếu ban	
32	K125520216277	Nguyễn Đình	Chiến	05/02/94	8	6	8	8	7,5	Đạt	
33	K125520201082	Linh Thị	Chinh	23/05/94	6				1,5	Thiếu ban	
34	K125520216010	Đào Thị Việt	Chinh		8	8	8	8	8,0	Đạt	
35	DTK1151020416	Lộc Văn	Chức	18/10/92			8		2,0	Thiếu ban	
36	DTK0951020506	Nguyễn Bá	Chung	18/07/91	1	B	4	6	2,8	Thiếu ban	
37	K125520201011	Phùng Văn	Côn	11/5/1994	9	8	8	8	8,3	Đạt	
38	DTK1151020068	Phạm Huy	Cương	15/10/93	5	7	8	6	6,5	Đạt	
39	K125520201080	Lại Tiến	Cương	03/10/94			7	7	3,5	Thiếu ban	
40	DTK0951020006	Lê Minh	Cường	13/08/91	8	5	B	7	5,0	Thiếu ban	
41	DTK0951020221	Nguyễn Mạnh	Cường	23/09/91	K	5	6	6	4,3	Thiếu ban	
42	K125520201013	Trần Văn	Cường	1/10/1994	3	7	6	5	5,3	Đạt	
43	K125520201232	Nguyễn Văn	Cường	06/11/93	9	7	8	7	7,8	Đạt	Học theo nhu cầu
44	K125520201234	Đỗ Văn	Cường	24/12/94	6			6	3,0	Thiếu ban	
45	K125520216009	Bàng Minh	Cường	27/08/94	9	6		b	3,8	Thiếu ban	
46	K125520216118	Nguyễn Khắc	Cường	14/02/1994	9	6	8	7	7,5	Đạt	
47	K125520216276	Hoàng Mạnh	Cường	10/08/94		7			1,8	Thiếu ban	
48	K125520201241	Trình Hoàng	Đại		9	7	8	8	8,0	Đạt	
49	K125520216226	Hoàng Ngọc	Đại	24/01/1994	8	7	8	8	7,8	Đạt	
50	K125520201002	Lê Thế	Đám	13/04/94	9	5	8	8	7,5	Đạt	
51	DTK1151030124	Phạm Văn	Dặng	22/02/93	9	8	7	7	7,8	Đạt	
52	DTK0951020008	Nguyễn Duy	Đăng	06/05/1991	B	B		B	0,0	Thiếu ban	
53	K125520216225	Đỗ Văn	Đăng	14/03/94	4	8	7	5	6,0	Đạt	
54	K135520201010	Nguyễn Văn	Danh	21/11/95				6	1,5	Thiếu ban	
55	K125520216101	Chu Thúc	Đạo	20/11/94	9	7	8	7	7,8	Đạt	
56	0971020003	Phùng Đức	Đạt	11/12/1991	8	B	K	B	2,0	Thiếu ban	
57	DTK0851020097	Đồng Văn	Đạt	13/05/90	1				0,3	Thiếu ban	

STT	Mã số SV	Họ	Tên	Ngày sinh	ĐL	ĐT	TB	MĐ	Trung bình	Xét	Ghi chú
58	DTK1051020615	Hoàng Tiến	Đạt	10/11/1992	4			6	2,5	Thiếu ban	
59	DTK1151020359	Nguyễn Trọng	Đạt		9	8	7	7	7,8	Đạt	
60	K125520201003	Nguyễn Huyền	Đạt	29/01/94	3	8	5	5	5,3	Đạt	
61	K125520216227	Vũ Lạnh	Đạt	13/09/1994	8	7	8	6	7,3	Đạt	
62	DTK0851020101	Đặng Văn	Đệ	5/3/1989	8	7	B	B	3,8	Thiếu ban	
63	1141100014	Lò Văn	Diêm		6	4		6	4,0	Thiếu ban	
64	DTK0851030015	Hoàng Văn	Điều		K	6	K	K	1,5	Thiếu ban	
65	K125520201247	Phùng Văn	Định		8	8	8	7	7,8	Đạt	
66	K125520216172	Trần Bảo	Định	29/08/94	9	6	5		5,0	Thiếu ban	
67	K125520201165	Trần Thị Thanh	Dịu		8	8	8	4	7,0	Đạt	
68	K125520201004	Trần Văn	Độ	18/07/94	4		7		2,8	Thiếu ban	
69	K125520201072	Nguyễn Văn	Độ	13/11/94		b		6	1,5	Thiếu ban	
70	K125520201005	Trần Công	Đoàn	01/10/94	8	4	9	8	7,3	Đạt	
71	K125520201073	Nguyễn Bá	Đoàn	11/10/93			7	6	3,3	Thiếu ban	
72	K125520201169	Lê Văn	Đoàn			5	5	5	3,8	Thiếu ban	
73	K125520216083	Nguyễn Văn	Doanh	12/08/94	b		7		1,8	Thiếu ban	
74	DTK0851020248	Mai Văn	Đông	25/02/90		3			0,8	Thiếu ban	
75	K125520216281	Hà Văn	Đông		2	7	8	7	6,0	Đạt	
76	K135520201203	Lương Gia	Đông	12/10/95				6	1,5	Thiếu ban	
77	0971020022	Võ Trung	Đức	16/04/91	1	7	K	K	2,0	Thiếu ban	
78	DTK0951020500	Trần	Đức	7/6/1991	8	B	B	8	4,0	Thiếu ban	
79	DTK1051020017	Diệp Anh	Đức	13/06/91	8	1	B	B	2,3	Thiếu ban	
80	K125520201007	Thân Minh	Đức	22/04/93				7	1,8	Thiếu ban	
81	K125520201074	Nguyễn Văn	Đức	26/10/94	9	6	8	7	7,5	Đạt	
82	K125520201075	Bùi Văn	Đức	28/06/93				7	1,8	Thiếu ban	
83	K125520216096	Nguyễn Trung	Đức	05/03/94	9	7			4,0	Thiếu ban	
84	K125520216107	Phạm Công	Đức	08/10/94			b		0,0	Thiếu ban	
85	0971020004	Trương Trung	Dũng	5/3/1991	7	7	K	4	4,5	Thiếu ban	
86	DTK1151030014	Mông Văn	Dũng	3/12/1993	2				0,5	Thiếu ban	
87	K125520201085	Nguyễn Văn	Dũng	1/7/1994			5		1,3	Thiếu ban	
88	K125520216014	Lê Anh	Dũng	26/08/94	b		7		1,8	Thiếu ban	

STT	Mã số SV	Họ	Tên	Ngày sinh	ĐL	ĐT	TB	MĐ	Trung bình	Xét	Ghi chú
89	K125520216082	Mê Tiến	Dũng	09/10/93			8	6	3,5	Thiếu ban	
90	K125520216123	Lê Anh	Dũng	06/02/94	b			6	1,5	Thiếu ban	
91	K125520216223	Hà Anh	Dũng	04/08/94	7	6	8	8	7,3	Đạt	
92	DTK1051020009	Vi Văn	Dương	13/06/92		3		7	2,5	Thiếu ban	
93	DTK1051020009	Vi Văn	Dương	13/06/92				7	1,8	Thiếu ban	
94	K125520201236	Trịnh Văn Anh	Dương	06/02/93	5		5	6	4,0	Thiếu ban	
95	DTK1051020256	Phạm Văn	Dưỡng	12/10/1992	7				1,8	Thiếu ban	Học theo nhu cầu
96	DTK1151020301	Vũ Đình	Đường	12/8/1990	5	8	6	3	5,5	Đạt	
97	11110740269	Trương Văn	Duy	27/09/89	7	7		7	5,3	Thiếu ban	
98	DTK0951020588	Vũ Ba	Duy	13/03/91	B			7	1,8	Thiếu ban	
99	DTK0951030017	Nguyễn Khánh	Duy	09/02/91		4			1,0	Thiếu ban	
100	DTK1051020179	Hà Sỹ	Duy	06/10/1992	8	8	8	8	8,0	Đạt	Học theo nhu cầu
101	DTK1151020421	Vũ Ngọc	Duy	02/09/93			8		2,0	Thiếu ban	
102	K125520201166	Hoàng Văn	Duy	29/12/94	4	8			3,0	Thiếu ban	
103	K125520201239	Lê Tiến	Duy	10/05/93	8	7	7	7	7,3	Đạt	
104	K125520201308	Thân Quang	Duy	10/09/94	4	8	8	8	7,0	Đạt	
105	K125520216128	Phạm Văn	Duy	18/06/94	7	1			2,0	Thiếu ban	
106	K135520201013	Nguyễn Văn	Duy	30/10/95		7			1,8	Thiếu ban	
107	K125520201139	Nguyễn Trọng	Giang	24/09/94		7		6	3,3	Thiếu ban	
108	K125520201149	Nguyễn Trường	Giang	04/04/93	b			6	1,5	Thiếu ban	
109	K125520216229	Đông Ngọc	Giáp		1	7	8	8	6,0	Đạt	
110	K125520216285	Lê Xuân	Giáp	05/04/94	9	6	8	8	7,8	Đạt	
111	K125520201018	Nguyễn Hữu	Hà	17/03/94	8	8	5		5,3	Thiếu ban	
112	K125520201248	Lương Văn	Hà	19/07/93	8	7	7		5,5	Thiếu ban	
113	K125520201249	Nguyễn Lương	Hà	01/05/93			8	5	3,3	Thiếu ban	
114	K125520216017	Đào Thanh	Hà	22/11/94	1	8			2,3	Thiếu ban	
115	1112064220	Lê Thanh	Hải	15/06/87	9		7	7	5,8	Thiếu ban	
116	11110740172	Đinh Văn	Hải	20/05/87	9	6		8	5,8	Thiếu ban	
117	DTK0851010088	Phạm Quang	Hải	9/1/1990			3		0,8	Thiếu ban	
118	DTK0851020105	Phạm Nguyên	Hải	10/7/1990	6	B	2	5	3,3	Thiếu ban	
119	DTK1051020021	Nguyễn Văn	Hải	15/01/91	6	7	7		5,0	Thiếu ban	

STT	Mã số SV	Họ	Tên	Ngày sinh	ĐL	ĐT	TB	MĐ	Trung bình	Xét	Ghi chú
120	DTK1051030230	Đỗ Xuân	Hải	30/09/91			b	b	0,0	Thiếu ban	
121	K125520201019	Đinh Hữu	Hải	16/06/94	5				1,3	Thiếu ban	
122	K125520201088	Nguyễn Văn	Hải	22/03/94	9		8		4,3	Thiếu ban	
123	K125520201177	Quách Văn	Hải	23/05/93		8			2,0	Thiếu ban	
124	K125520216230	Nguyễn Ngọc	Hải	25/10/94	8	7	8	7	7,5	Đạt	
125	K135520216310	Ngô Thị	Hải	26/02/95	8	8			4,0	Thiếu ban	
126	11410740001	Vi Thị Ngọc	Hân	29/02/88	8	6		7	5,3	Thiếu ban	
127	K125520201086	Nguyễn Thị	Hằng	29/12/94	8		8		4,0	Thiếu ban	
128	K125520216129	Hoàng Thu	Hằng	09/01/94	7	8	7	8	7,5	Đạt	
129	K125520216299	Nhữ Thị	Hạnh	25/05/93	8	7			3,8	Thiếu ban	
130	K135520216014	Nguyễn Thị Dương	Hạnh	01/07/95	1				0,3	Thiếu ban	
131	K125520201087	Nguyễn Văn	Hào	13/12/89			8		2,0	Thiếu ban	
132	K125520201251	Bùi Văn	Hào	18/07/94	9	7	8	5	7,3	Đạt	
133	K125520201089	Trần Văn	Hiên	08/02/94			8	8	4,0	Thiếu ban	
134	DTK0851020257	Trần Đức	Hiên	21/11/89	7	7	K	6	5,0	Thiếu ban	
135	K125140214004	Phạm Thị	Hiên	02/08/94	7	8	7	8	7,5	Đạt	
136	K125520216288	Nguyễn Tiến	Hiên	12/02/94	8		8	6	5,5	Thiếu ban	
137	K135520216145	Trần Thị	Hiên	11/08/95	9				2,3	Thiếu ban	
138	K125520201255	Trần Hoàng	Hiệp	25/03/94	8	8	5	8	7,3	Đạt	
139	K125520216022	Phạm Văn	Hiệp	28/06/93	8	5	8	6	6,8	Đạt	
140	K125520216132	Trần Xuân	Hiệp	19/02/94			8		2,0	Thiếu ban	
141	K125520216300	Nguyễn Hoàng	Hiệp	01/09/93	8	7	9	6	7,5	Đạt	
142	11110740447	Trần Quang	Hiếu	24/11/89	7	6		6	4,8	Thiếu ban	
143	DTK0851010681	Hoàng Trọng	Hiếu	20/05/90			0	8	2,0	Thiếu ban	
144	K125520201182	Đặng Văn	Hiếu	18/06/94		6	8	8	5,5	Thiếu ban	
145	K125520201183	Đinh Văn	Hiếu	03/05/94	9	7	7	5	7,0	Đạt	
146	K125520216233	Nguyễn Đức	Hiếu	05/04/94		3	7	6	4,0	Thiếu ban	
147	K135520216020	Vũ Trung	Hiếu	05/05/95			8		2,0	Thiếu ban	
148	1141070016	Ma Văn	Hiệu	25/02/86			6	6	3,0	Thiếu ban	
149	K125520201303	Lê Minh	Hiệu	22/03/94			8	6	3,5	Thiếu ban	
150	K125520216021	Nguyễn Tuấn	Hình	21/05/94	9	4	8	7	7,0	Đạt	

STT	Mã số SV	Họ	Tên	Ngày sinh	ĐL	ĐT	TB	MĐ	Trung bình	Xét	Ghi chú
151	1141100026	Và A	Hợ	11/11/86	7	6	8	7	7,0	Đạt	
152	11110740174	Nguyễn Khắc	Hòa	5/9/1988	8	9		7	6,0	Thiếu ban	
153	0971020006	Đặng Thái	Hòa	14/10/91	1	7	5	K	3,3	Thiếu ban	
154	K125520216291	Nguyễn Văn	Hòa	29/04/93	6	7	8	8	7,3	Đạt	
155	DTK0851020187	Trần Ngọc	Hoàn	1/4/1990		4			1,0	Thiếu ban	
156	DTK1151020078	Lê Võ	Hoàn	17/06/87	8	8	8	6	7,5	Đạt	
157	K125520216234	Vũ Văn	Hoàn	08/03/94	6	7	8	7	7,0	Đạt	
158	DTK1051020276	Nguyễn Văn	Hoàng	19/08/92	6	7			3,3	Thiếu ban	
159	DTK1151020306	Đặng Minh	Hoàng	04/07/93	9		7		4,0	Thiếu ban	
160	DTK1151020430	Nguyễn Đức	Hoàng	20/11/1993		7			1,8	Thiếu ban	
161	K125520201188	Đinh Việt	Hoàng	29/10/94			7	4	2,8	Thiếu ban	
162	K125520216026	Trương Thái	Hoàng	24/03/94	5	6	7	6	6,0	Đạt	
163	K125520216290	Lê Ngọc	Hoàng	08/07/94	b			8	2,0	Thiếu ban	
164	K135520216225	Nghiêm Xuân	Hoàng	07/05/94				8	2,0	Thiếu ban	
165	11110740405	Bùi Văn	Hoạt	19/04/89	6	8	K	6	5,0	Thiếu ban	
166	DTK1151060004	Trịnh Thị Thanh	Hồng	28/07/93	8	7	9	6	7,5	Đạt	Học theo nhu cầu
167	DTK1151020369	Nguyễn Văn	Hợp			7			1,8	Thiếu ban	
168	K125520207108	Nguyễn Thị	Hợp	13/08/94		7	8		3,8	Thiếu ban	
169	DTK1051020277	Dương Văn	Huân	02/04/1992	8	7	8	7	7,5	Đạt	
170	DTK1151020134	Lưu Sỹ	Huân		8	8	7		5,8	Thiếu ban	Học theo nhu cầu
171	11110740274	Trịnh Minh	Hùng	22/12/89	8				2,0	Thiếu ban	
172	DTK0951020597	Nguyễn Hữu	Hùng	7/8/1991	7	8	K	K	3,8	Thiếu ban	
173	DTK1151020014	Lê Đắc	Hùng	25/07/1993	7	6	8	7	7,0	Đạt	Học theo nhu cầu
174	DTK1151020191	Nguyễn Việt	Hùng	17/09/90			8		2,0	Thiếu ban	Học theo nhu cầu
175	K125520201180	Nguyễn Tuấn	Hùng	25/07/94		5	8	7	5,0	Thiếu ban	
176	K125520201254	Nguyễn Văn	Hùng	04/01/94			7	4	2,8	Thiếu ban	
177	K125520216020	Phạm Đức	Hùng	17/10/94		1	8		2,3	Thiếu ban	
178	K125520216232	Vũ Xuân	Hùng	01/01/93	9	1			2,5	Thiếu ban	
179	K135520216313	Đỗ Mạnh	Hùng	20/04/94	5		8	8	5,3	Thiếu ban	
180	DTK1051020355	Vũ Văn	Hưng	30/03/92	6	7	7	7	6,8	Đạt	Học theo nhu cầu
181	DTK1151030027	Đàm Văn	Hưng	28/11/92	8				2,0	Thiếu ban	

STT	Mã số SV	Họ	Tên	Ngày sinh	ĐL	ĐT	TB	MĐ	Trung bình	Xét	Ghi chú
182	K125520201140	Nguyễn Ngọc	Hưng	06/03/94	9	8	8	8	8,3	Đạt	
183	K125520201142	Nguyễn Quốc	Hưng	27/09/94	8	7	8	8	7,8	Đạt	
184	K125520201185	Vũ Tiến	Hưng	13/09/89	9	7	7	7	7,5	Đạt	
185	K125520201187	Phan Văn	Hưng	20/09/94	6	8	8	8	7,5	Đạt	
186	K125520207113	Hoàng Văn	Hưng	14/07/93	8		8	7	5,8	Thiếu ban	
187	K125520216023	Lưu Trung	Hưng	12/11/94	4			6	2,5	Thiếu ban	
188	K125520216024	Nguyễn Hữu	Hưng	16/06/94	b		8		2,0	Thiếu ban	
189	K125520216133	Nguyễn Bá	Hưng	12/07/93			7	6	3,3	Thiếu ban	
190	K125520216177	Tạ Xuân	Hưng	10/09/94	9	9			4,5	Thiếu ban	
191	K125520216289	Ngô Văn	Hưng	23/10/94	9		7		4,0	Thiếu ban	
192	K135520216308	Quách Thị	Hương	28/08/95				7	1,8	Thiếu ban	
193	DTK0851020414	Nguyễn Văn	Hương	23/08/89		4	6		2,5	Thiếu ban	
194	DTK0951020097	Đinh Công	Hường		8				2,0	Thiếu ban	
195	K125520216287	Đinh Văn	Hường	29/10/94	b				0,0	Thiếu ban	
196	DTK1051020278	Trần Văn	Huy	20/04/92	9				2,3	Thiếu ban	
197	DTK1151020256	Lê Văn	Huy	19/08/93	8	6	7	7	7,0	Đạt	Học theo nhu cầu
198	K125520201024	Đinh Quang	Huy	23/07/94	5	8	8	7	7,0	Đạt	
199	K125520201092	Nguyễn Quang	Huy	21/03/94		6		7	3,3	Thiếu ban	
200	K125520216135	Ngô Văn	Huy	26/12/92				6	1,5	Thiếu ban	
201	K125520216179	Trần Phúc	Huy	17/07/94	8	2	7	7	6,0	Đạt	
202	K125520201264	Dương Thị	Huyền	20/05/93	9	5	7	7	7,0	Đạt	
203	K135520216230	Trần Thị	Huyền	11/06/94				8	2,0	Thiếu ban	
204	K125520216236	Hoàng Văn	Huỳnh	27/09/94	7	7	7	6	6,8	Đạt	
205	K125520201193	Phạm Công	Khân	12/4/1992	7	8	8	7	7,5	Đạt	Học theo nhu cầu
206	DTK1151020311	Nguyễn Duy	Khanh	27/09/93	5				1,3	Thiếu ban	
207	K125520201266	Tạ Văn	Khanh	26/03/94		6	6		3,0	Thiếu ban	
208	K125520201026	Nguyễn Huy	Khánh	12/03/94	9	7	7	8	7,8	Đạt	
209	K125520201094	Lâm Quốc	Khánh	08/06/94		Ko có		6	1,5	Thiếu ban	
210	K125520216031	Nguyễn Cao	Khánh	04/03/94	b		8		2,0	Thiếu ban	
211	K125520201095	Tô Phúc	Khiêm	01/11/94	7	8	9	7	7,8	Đạt	Học theo nhu cầu
212	1141070047	Hà Đăng	Khoa	4/10/1989	5	0		7	3,0	Thiếu ban	

STT	Mã số SV	Họ	Tên	Ngày sinh	ĐL	ĐT	TB	MĐ	Trung bình	Xét	Ghi chú
213	DTK1151020312	Lê Văn	Khoa	24/12/92	8		b		2,0	Thiếu ban	
214	DTK1051020548	Ngô Văn	Khôi	14/10/92	8	7	6		5,3	Thiếu ban	
215	DTK0951020602	Bùi Huy	Khởi	04/11/1991	7			8	3,8	Thiếu ban	Học theo nhu cầu
216	DTK1151030089	Nguyễn Đức	Kiên	21/09/93				6	1,5	Thiếu ban	
217	K125520201027	Nguyễn Trung	Kiên	20/08/93	7	7		6	5,0	Thiếu ban	
218	K125520216035	Nguyễn Duy	Kiên	12/10/94			7	6	3,3	Thiếu ban	
219	K125520216294	Nguyễn Trung	Kiên	08/07/93	8	8	8	8	8,0	Đạt	Học theo nhu cầu
220	K135520201035	Nguyễn Văn	Kiên	18/05/95			b		0,0	Thiếu ban	
221	DTK1151030091	Nguyễn Như	Lai	11/9/1993				7	1,8	Thiếu ban	
222	DTK0851020360	Cao Mạnh	Lâm	14/09/87	8	8		6	5,5	Thiếu ban	
223	K125520201028	Hoàng Đình	Lâm	11/09/94	9	7	8	6	7,5	Đạt	
224	K125520201097	Phạm Khánh	Lâm	19/04/93	1				0,3	Thiếu ban	
225	K125520201269	Nguyễn Việt Tùng	Lâm	27/07/94	1			6	1,8	Thiếu ban	
226	K125520216036	Lê Trung	Lâm	31/12/94	6	1	8	7	5,5	Đạt	
227	K125520216295	Đoàn Văn	Lâm	06/10/94	8	8	8	7	7,8	Đạt	
228	K125520214003	Dương Thị	Lan	06/01/94			7	5	3,0	Thiếu ban	
229	K135520216236	Hoàng Văn	Lãnh	18/07/95			8		2,0	Thiếu ban	
230	K135520216155	Trương Văn	Lập	05/07/90		7			1,8	Thiếu ban	
231	K125520216038	Nguyễn Thanh	Liên	23/04/94	9	7	8	7	7,8	Đạt	
232	K125520216039	Hoàng Thị	Liên	04/04/94	8	8	7	8	7,8	Đạt	
233	DTK1151020437	Nguyễn Tiến	Linh	23/08/93	8				2,0	Thiếu ban	Học theo nhu cầu
234	K125520216040	Nguyễn Thùy	Linh	10/07/94	10	9	7	8	8,5	Đạt	
235	K125520216240	Lương Thị	Linh	02/04/93	7	7			3,5	Thiếu ban	
236	K135520216333	Trần Khánh	Linh	29/11/95		8			2,0	Thiếu ban	
237	K125520201143	Võ Duy	Lộc	05/05/92				6	1,5	Thiếu ban	
238	K125520201196	Lương Văn	Lộc	15/10/94	9	8	8	5	7,5	Đạt	
239	11110740326	Nguyễn Lê	Lợi	8/3/1989	8	7		6	5,3	Thiếu ban	
240	K125520201030	Mai Minh	Long	03/08/93	7	5	6	6	6,0	Đạt	
241	K125520201099	Nguyễn Văn	Long	03/02/94		6	7		3,3	Thiếu ban	
242	K125520201271	Nguyễn Ngọc	Long	19/10/94	8	2	8		4,5	Thiếu ban	
243	K125520216041	Hà Tân	Long	23/01/94	7	1			2,0	Thiếu ban	

STT	Mã số SV	Họ	Tên	Ngày sinh	ĐL	ĐT	TB	MĐ	Trung bình	Xét	Ghi chú
244	K135520216088	Đặng Đức	Long	12/06/95	9	7			4,0	Thiếu ban	
245	1141100028	Giàng A	Lộng	20/10/90	6	8	8	6	7,0	Đạt	
246	DTK0851020267	Trịnh Ngọc	Luân	8/7/1989	6	4	K	K	2,5	Thiếu ban	
247	DTK1051020461	Vũ Hoàng	Luân	20/11/91	B		8		2,0	Thiếu ban	
248	K125520216042	Nguyễn Văn	Luận	23/03/94	8	6	8	8	7,5	Đạt	
249	DTK1151020087	Chu Văn	Lượng	06/08/93	6	7	6	7	6,5	Đạt	Học theo nhu cầu
250	DTK0851020195	Lưu Văn	Luyện	26/10/90	B	B	5	5	2,5	Thiếu ban	
251	K125520216043	Đinh Thị	Ly	16/01/94	8	8		9	6,3	Thiếu ban	
252	K125520201032	Đỗ Thị	Lý	27/05/94	9	7	8	8	8,0	Đạt	
253	K125520216046	Nguyễn Thị	Mai	15/01/94			8		2,0	Thiếu ban	
254	K125520216046	Nguyễn Thị	Mai	15/01/94	9	7		6	5,5	Thiếu ban	
255	K125520201033	Ngô Văn	Mạnh	03/10/92	8	1	8	8	6,3	Đạt	
256	K125520216044	Nguyễn Văn	Mạnh	25/10/1994	8	8	7	7	7,5	Đạt	Học theo nhu cầu
257	K135520201229	Nguyễn Đức	Mạnh	20/08/93				4	1,0	Thiếu ban	
258	K135520216036	Trần Văn	Mạnh	25/01/95	7				1,8	Thiếu ban	
259	1111061114	Hoàng Văn	Nam	24/04/88	6		8		3,5	Thiếu ban	
260	1112064236	Lê Văn	Nam	14/10/84	9				2,3	Thiếu ban	
261	11110740184	Dương Văn	Nam	12/5/1988	7	6		6	4,8	Thiếu ban	
262	DTK0851020509	Đặng Quang	Nam	24/04/87	6	K	8	7	5,3	Thiếu ban	
263	DTK0951020040	Nguyễn Văn	Nam	05/04/91	9	6	6	6	6,8	Đạt	
264	DTK1051020558	Trần Thanh	Nam	12/4/1992			B		0,0	Thiếu ban	
265	DTK1151020091	Nguyễn Văn	Nam	02/04/93	8	7	6	8	7,3	Đạt	
266	DTK1151020267	Trần Anh	Nam	10/02/93	6	7	8	6	6,8	Đạt	Học theo nhu cầu
267	K125520201103	Nguyễn Khắc	Nam	24/10/93	6	6			3,0	Thiếu ban	
268	K125520216047	Nguyễn Thanh	Nam	09/02/94		7	8		3,8	Thiếu ban	
269	K125520216049	Phạm Thành	Nam	19/06/94	1	6			1,8	Thiếu ban	
270	K125520216050	Nguyễn Văn	Nam	23/10/94	9		6		3,8	Thiếu ban	
271	K125520216185	Nguyễn Phương	Nam	22/11/94	1	7			2,0	Thiếu ban	
272	K125520201273	Phạm Văn	Năm	02/04/93			8	7	3,8	Thiếu ban	
273	DTK1051020291	Cao Xuân	Nghĩa	10/6/1992			8		2,0	Thiếu ban	
274	K125520216081	Lê Quang	Nghĩa	07/02/93		6	7		3,3	Thiếu ban	

STT	Mã số SV	Họ	Tên	Ngày sinh	ĐL	ĐT	TB	MĐ	Trung bình	Xét	Ghi chú
275	K125520216092	Ninh Chí	Nghĩa	08/12/94	7	8	8	6	7,3	Đạt	Học theo nhu cầu
276	K135520216159	Hoàng Văn	Nghĩa	13/10/95	7			6	3,3	Thiếu ban	
277	1141100006	Quảng Văn	Ngoan	26/02/88	9	5			3,5	Thiếu ban	
278	11110740186	Trịnh Đức	Ngọc	25/05/89	8	7	7		5,5	Thiếu ban	
279	DTK1151020035	Dương Bảo	Ngọc	16/12/1993	8	6	9	7	7,5	Đạt	Học theo nhu cầu
280	DTK1151020094	Nguyễn Văn	Ngọc	10/02/93	8	8	9	6	7,8	Đạt	Học theo nhu cầu
281	K125520216088	Nguyễn Xuân	Ngọc	02/09/94	5		8	8	5,3	Thiếu ban	
282	K125520216142	Nguyễn Văn	Ngọc	09/05/1994	9	7	8	8	8,0	Đạt	Học theo nhu cầu
283	K135520201102	Dương Thị	Nguyệt	18/08/94			7	6	3,3	Thiếu ban	
284	K135140214055	Phạm Thị	Nhàn	12/10/94			8		2,0	Thiếu ban	
285	K125520216243	Lê Quang	Nhật	20/11/1994	8	b			2,0	Thiếu ban	
286	K125520216308	Nguyễn Tiến	Nhật	01/11/94	9	7		7	5,8	Thiếu ban	
287	114112006	Vũ Hải	Nhi	28/10/94		5	8		3,3	Thiếu ban	
288	K125520201037	Nguyễn Thị	Nhi	02/02/93	8		6	6	5,0	Thiếu ban	
289	K125520201106	Dương Thị Thanh	Nhung	07/12/94	9	7	7	9	8,0	Đạt	
290	K125520201275	Vũ Xuân	Ninh	02/05/94		1	7		2,0	Thiếu ban	
291	DTK1151030037	Trần Văn	Oanh	19/07/93	5	6	8	8	6,8	Đạt	
292	K125520201038	Giáp Thị	Oanh	16/06/94	8	7	7	8	7,5	Đạt	
293	DTK0851060022	Phạm Văn	Pháp	29/10/89			6		1,5	Thiếu ban	
294	K125520201108	Vũ	Phi	18/03/94		7		7	3,5	Thiếu ban	
295	LAOS115005	Alavin	Philavong	06/05/93	7	6			3,3	Thiếu ban	
296	K125520201040	Phổng Chàn	Phìn	20/04/94			7	6	3,3	Thiếu ban	
297	DTK1051020656	Trần Huy	Phú	30/12/91	6	7	8	6	6,8	Đạt	
298	K125520216145	Lê Văn	Phúc	21/04/94	8	6	8	6	7,0	Đạt	
299	K125520216189	Nguyễn Minh	Phúc	12/03/94	5	7	7	9	7,0	Đạt	
300	DTK1151020439	Ngô Văn	Phương	15/01/92	8	9	8		6,3	Thiếu ban	
301	K125520201276	Bùi Minh	Phương				7	6	3,3	Thiếu ban	
302	K125520201310	Nguyễn Thu	Phương	19/12/94		7	8		3,8	Thiếu ban	
303	K125520216100	Mai Hồng	Phương	20/04/94	4	7	8	8	6,8	Đạt	
304	K125520216245	Chu Văn	Phương	15/09/1993	8	8	8	8	8,0	Đạt	Học theo nhu cầu
305	DTK0851020275	Vũ Hồng	Quân	27/11/88	5	3	K	K	2,0	Thiếu ban	

STT	Mã số SV	Họ	Tên	Ngày sinh	ĐL	ĐT	TB	MĐ	Trung bình	Xét	Ghi chú
306	DTK0851020516	Đỗ Hồng	Quân	22/04/90	B	6	6	4	4,0	Thiếu ban	
307	DTK0951020615	Nguyễn Việt	Quân	16/05/91	4	8	K	6	4,5	Thiếu ban	
308	K125520201144	Ngô Hồng	Quân	07/11/94	5			7	3,0	Thiếu ban	
309	K125520216146	Nguyễn Minh	Quân	21/02/94	9	6	8	7	7,5	Đạt	
310	K125520216247	Trương Hồng	Quân	10/07/94	8	8	8	6	7,5	Đạt	
311	K125520216306	Tạ Văn	Quân	13/01/93	8	8	7	8	7,8	Đạt	
312	K135520216251	Phạm Hồng	Quân	20/09/95		8			2,0	Thiếu ban	
313	DTK0851020131	Hoàng Minh	Quang	16/11/90	5				1,3	Thiếu ban	
314	K125520201109	Đặng Văn	Quang	25/09/94	6			4	2,5	Thiếu ban	
315	K125520216055	Nguyễn Văn	Quang	24/05/94	9	8	8	8	8,3	Đạt	
316	K125520216147	Nguyễn Hào	Quang	13/08/94	8	7	8	7	7,5	Đạt	
317	K125520201278	Đỗ Văn	Quảng	11/10/94	8	7			3,8	Thiếu ban	
318	01110501194	Nguyễn Xuân	Quý	21/06/87		8			2,0	Thiếu ban	
319	DTK1151020326	Hà Văn	Quý	15/01/1992	8	7	8	7	7,5	Đạt	Học theo nhu cầu
320	K125520214004	Ma Anh	Quý	08/08/93		8		6	3,5	Thiếu ban	
321	K125520216148	Phạm Thanh	Quý	28/03/93	9			4	3,3	Thiếu ban	
322	DTK1051020298	Ngô Văn	Quyền	17/02/92		5	7	6	4,5	Thiếu ban	
323	K125520201205	Lương Ngọc	Quyền	05/05/94		7		6	3,3	Thiếu ban	
324	K125520216192	Nguyễn Đức	Quyền	21/01/1992	8	8	8	8	8,0	Đạt	Học theo nhu cầu
325	K125520201279	Vũ Văn	Quyết	10/12/94			8		2,0	Thiếu ban	
326	11110740432	Dương Văn	Quỳnh	26/10/86	9		4		3,3	Thiếu ban	
327	K125520216249	Nguyễn Văn	Sáng	04/10/94	7	7	8	7	7,3	Đạt	
328	CPC115009	Sieng	Sathavireak	21/12/91		8	6	6	5,0	Thiếu ban	Bổ xung
329	11110740241	Hoàng Quang	Sinh	19/10/89	8	4		7	4,8	Thiếu ban	
330	DTK0951020764	Nguyễn Minh	Sơn	13/10/91	1	5	5	4	3,8	Không đạt	
331	DTK1051020299	Đặng Công	Sơn	09/05/92		8		6	3,5	Thiếu ban	
332	DTK1051020571	Lương Hồng	Sơn	01/05/92	1	7	7	8	5,8	Đạt	
333	K125520201111	Đỗ Xuân	Sơn	26/01/94			6	7	3,3	Thiếu ban	
334	K125520201112	Phạm Văn	Sơn	18/08/94			6	6	3,0	Thiếu ban	
335	K125520201113	Hứa Thế	Sơn	29/12/94			7	6	3,3	Thiếu ban	
336	K125520216057	Phạm Thái	Sơn	18/12/94	5		8	7	5,0	Thiếu ban	

STT	Mã số SV	Họ	Tên	Ngày sinh	ĐL	ĐT	TB	MĐ	Trung bình	Xét	Ghi chú
337	K125520216195	Nguyễn Đức	Son	17/09/94	8	6		6	5,0	Thiếu ban	
338	K125520216251	Nguyễn Văn	Son	30/06/93			8		2,0	Thiếu ban	
339	K125520201045	Thào A	Su	12/03/94	6			6	3,0	Thiếu ban	
340	K125520216152	Nguyễn Đức	Sỹ	20/12/94			6	6	3,0	Thiếu ban	
341	K125520201114	Vũ Văn	Tài	06/05/94	7	6	8	7	7,0	Đạt	
342	K125520201282	Đặng Thế	Tam	25/06/94			8	6	3,5	Thiếu ban	
343	DTK1151020039	Lê Văn	Tâm	05/11/93	9				2,3	Thiếu ban	
344	DTK0851020134	Hà Trọng	Tấn	28/03/89	4	6	B	7	4,3	Thiếu ban	
345	DTK1051020480	Trần Văn	Tấn	22/05/90			8	B	2,0	Thiếu ban	
346	DTK0951020766	Nguyễn Sỹ	Thái			8	7	5	5,0	Thiếu ban	
347	K125520201115	Triệu Văn	Thái	25/11/1994	8	8	7	7	7,5	Đạt	Học theo nhu cầu
348	K125520201283	Hà Văn	Thái	15/10/94			8	6	3,5	Thiếu ban	
349	K125520201284	Vũ Hữu	Thái	01/09/93	6			5	2,8	Thiếu ban	
350	K125520216059	Hồ Anh	Thái	16/02/94	8	7	8	7	7,5	Đạt	
351	K125520216153	Vũ Văn	Thái	25/06/1994	7	7	8	8	7,5	Đạt	Học theo nhu cầu
352	K135520216104	Nguyễn Duy	Thái	06/12/95				6	1,5	Thiếu ban	
353	K125520216253	Nguyễn Văn	Thăng	24/02/93	8			6	3,5	Thiếu ban	
354	11110740334	Nguyễn Ngọc	Thắng	6/4/1989	8	1		6	3,8	Thiếu ban	
355	DTK0951060202	Đỗ Mạnh	Thắng	19/03/91	8	8	8	9	8,3	Đạt	Học theo nhu cầu
356	K125520201049	Nguyễn Hữu	Thắng	08/04/94		1	5		1,5	Thiếu ban	
357	K125520201117	Nguyễn Kim	Thắng	06/08/94			8		2,0	Thiếu ban	
358	K125520201118	Trần Duy	Thắng	15/08/93	8			6	3,5	Thiếu ban	
359	K125520216199	Triệu Đình	Thắng	26/02/94	8	8	8	6	7,5	Đạt	Học theo nhu cầu
360	K125520216061	Nguyễn Duy	Thanh	06/12/94	4	6	8	7	6,3	Đạt	Học theo nhu cầu
361	DTK0951020626	Nguyễn Văn	Thành	15/05/91	8	7	6	6	6,8	Đạt	Học theo nhu cầu
362	K125520201211	Trần Văn	Thành	24/04/94	8	8			4,0	Thiếu ban	
363	K125520216154	Nguyễn Văn	Thành	24/07/94		7	7		3,5	Thiếu ban	
364	K125520216309	Lê Đình	Thành	07/10/94	5	5	5	7	5,5	Đạt	
365	K135520216047	Nguyễn Chí	Thành	23/01/95	6				1,5	Thiếu ban	
366	K125520216198	Nguyễn Xuân	Thảo	28/05/94			5		1,3	Thiếu ban	
367	K125520201153	Vũ Văn	Thế	26/03/94	8	6			3,5	Thiếu ban	

STT	Mã số SV	Họ	Tên	Ngày sinh	ĐL	ĐT	TB	MĐ	Trung bình	Xét	Ghi chú
368	LAOS115006	Souliya	Thepvongs	14/03/94		7	8	7	5,5	Thiếu ban	
369	K125520201213	Lương Văn	Thi	28/09/93		7	8		3,8	Thiếu ban	
370	11110740360	Nguyễn Văn	Thiện	1/8/1988	9	6		7	5,5	Thiếu ban	
371	K125520216063	Vũ Đức	Thiện	27/10/94	6			5	2,8	Thiếu ban	
372	K125520216258	Nguyễn Quang	Thiện	08/05/93	1	1			0,5	Thiếu ban	
373	11110740040	Nguyễn Ngọc	Thiệp	22/08/88	8	7		6	5,3	Thiếu ban	
374	DTK1151020213	Hoàng Văn	Thiết	20/05/93		7			1,8	Thiếu ban	
375	K125520216202	Lê Đình	Thiết	23/06/94	9	8	7	8	8,0	Đạt	
376	1111061218	Nguyễn Mạnh	Thìn	14/07/88	8	K	7	7	5,5	Thiếu ban	
377	DTK1151010154	Nguyễn Văn	Thịnh	18/09/93				7	1,8	Thiếu ban	
378	K125520201052	Phạm Xuân	Thịnh	02/09/93				6	1,5	Thiếu ban	
379	DTK0851020138	Bùi Đức	Thọ	21/10/90			7		1,8	Thiếu ban	
380	DTK1051020484	Nguyễn Đình	Thọ	18/04/91	B	1	B	B	0,3	Thiếu ban	
381	DTK1151030049	Trần Xuân	Thọ	19/01/93	4	6	8	7	6,3	Đạt	
382	K125520201050	Dương Văn	Thọ	29/09/94	4	8			3,0	Thiếu ban	
383	K125520216156	Nguyễn Tiến	Thọ	12/04/94	9	6	6	7	7,0	Đạt	Học theo nhu cầu
384	K125520201141	Nguyễn Văn	Thoại	18/05/94	7		8		3,8	Thiếu ban	
385	K125520201047	Trương Thị	Thơm	09/11/93	9	7	6	8	7,5	Đạt	
386	K125520201287	Nguyễn Thị	Thu	07/05/94	7	8	7	7	7,3	Đạt	
387	K125520216080	Vũ Thị Hoài	Thu	13/09/94	8	7	8	6	7,3	Đạt	Học theo nhu cầu
388	K125520216064	Nguyễn Văn	Thụ	27/05/94				b	0,0	Thiếu ban	
389	DTK0851010353	Vũ Xuân	Thuận	7/4/1990				7	1,8	Thiếu ban	
390	DTK0951020195	Lê Minh	Thuận	18/12/91			6		1,5	Thiếu ban	
391	DTK0951020557	Lê Đình	Thuật	25/11/91	8				2,0	Thiếu ban	
392	DTK1151010725	Lưu Văn	Thức	14/03/1993		7			1,8	Thiếu ban	
393	K125520216098	Trịnh Thị Kim	Thúy	15/03/94	9	8	8	8	8,3	Đạt	
394	11110740202	Nguyễn Thu	Thủy	10/10/1989	8	8		7	5,8	Thiếu ban	
395	K125520216066	Nguyễn Thị	Thủy		9	7	8	8	8,0	Đạt	Học theo nhu cầu
396	K125520216259	Phan Ngọc	Thủy	29/09/93	4	6	8	8	6,5	Đạt	
397	K135520216171	La Thị	Thủy	17/02/95		7		7	3,5	Thiếu ban	
398	11110740145	Nguyễn Văn	Tiến	27/02/88	9	2	K	7	4,5	Thiếu ban	

STT	Mã số SV	Họ	Tên	Ngày sinh	ĐL	ĐT	TB	MĐ	Trung bình	Xét	Ghi chú
399	DTK1051020235	Triệu Đức	Tiến	1/14/1992	6				1,5	Thiếu ban	
400	DTK1151020474	Hà Mạnh	Tiến	09/08/93				6	1,5	Thiếu ban	
401	K125520201216	Phạm Văn	Tiến	22/05/94		6	8		3,5	Thiếu ban	
402	K125520201217	Nguyễn Văn	Tiến	28/08/94	9	8	9	8	8,5	Đạt	Học theo nhu cầu
403	K125520201291	Vũ Mạnh	Tiến		9				2,3	Thiếu ban	
404	K125520201298	Phạm Hữu	Tính	05/02/94	9	8	7	6	7,5	Đạt	
405	1141070043	Lương Mạnh	Toàn	28/09/88	B	1	B	B	0,3	Thiếu ban	
406	DTK0851020150	Nguyễn Thanh	Toàn	07/06/90	9		9		4,5	Thiếu ban	
407	DTK1151020461	Đỗ Văn	Toàn	15/05/93	9	6	7	5	6,8	Đạt	Học theo nhu cầu
408	K125520201057	Nguyễn Tuấn	Toàn	11/06/94	8	8	6	7	7,3	Đạt	
409	K125520201058	Lê Văn	Toàn	27/08/94	8	7	5		5,0	Thiếu ban	
410	K125520216097	Hàn Khánh	Toàn	20/08/94	7	7	7	8	7,3	Đạt	
411	DTK1151020112	Tạ Văn	Toàn	03/10/93	9	7	8	8	8,0	Đạt	
412	DTK0951020415	Nguyễn Văn	Tráng	19/09/90	4	1	6	4	3,8	Không đạt	
413	K125520216089	Trần Minh	Trí	22/03/94	7	7	7	6	6,8	Đạt	
414	K125520201127	Nguyễn Tiến	Trọng	09/12/94	8		6	7	5,3	Thiếu ban	
415	K125520216208	Bùi Văn	Trọng	25/10/1994	6	7	8	6	6,8	Đạt	Học theo nhu cầu
416	DTK0951020199	Đoàn Ngọc	Trung	24/11/91	7	6	B	B	3,3	Thiếu ban	
417	DTK1151020286	Nguyễn Thành	Trung	20/01/93	8	7	8	5	7,0	Đạt	Học theo nhu cầu
418	K125520201130	Đặng Đình	Trung	15/06/94		8	8		4,0	Thiếu ban	
419	K125520216071	Nguyễn Văn	Trung	07/05/94	6	7	8	7	7,0	Đạt	
420	K125520216209	Hà Nam	Trung				7	8	3,8	Thiếu ban	
421	K125520216266	Trịnh Quang	Trung	14/02/1994	9	7	8	8	8,0	Đạt	Học theo nhu cầu
422	DTK1151020471	Lý Xuân	Trường	06/06/1993	8	7	7	8	7,5	Đạt	Học theo nhu cầu
423	K125520201128	Nguyễn Công	Trường	10/08/94	6			5	2,8	Thiếu ban	
424	DTK1051020236	Trần Ngọc	Tú	09/02/1991	8	6	8	6	7,0	Đạt	Học theo nhu cầu
425	DTK1051020585	Vũ Minh	Tú	14/11/92		1			0,3	Thiếu ban	
426	DTK1151020340	Trịnh Văn	Tú	22/02/93	5	7			3,0	Thiếu ban	
427	DTK1151020459	Ninh Quang	Tú	20/11/93				b	0,0	Thiếu ban	
428	K125520216069	Nguyễn Anh	Tú	20/08/94	9	7	8	7	7,8	Đạt	
429	K125520216163	Đỗ Ngọc	Tú	14/05/1993	9	8	8	8	8,3	Đạt	Học theo nhu cầu

STT	Mã số SV	Họ	Tên	Ngày sinh	ĐL	ĐT	TB	MĐ	Trung bình	Xét	Ghi chú
430	K125520216206	Nguyễn Hữu	Tú	10/03/94	7				1,8	Thiếu ban	
431	DTK1151020460	Nguyễn Thị	Tứ	12/6/1993	B	B	6	7	3,3	Thiếu ban	
432	1111061228	Ngô Minh	Tuân	20/04/87		7	7	7	5,3	Thiếu ban	
433	K125520201222	Nguyễn Viết	Tuân	13/04/94		5	8		3,3	Thiếu ban	
434	K125520201296	Đinh Văn	Tuân	17/10/94	5		6	6	4,3	Thiếu ban	
435	11110740102	Hoàng Anh	Tuấn	10/12/1989	8	8	7	K	5,8	Thiếu ban	
436	11110740417	Nguyễn Thanh	Tuấn	15/06/89	9	9		7	6,3	Thiếu ban	
437	0111050717	Hoàng Văn	Tuấn		9				2,3	Thiếu ban	
438	DTK0851020387	Trịnh Anh	Tuấn	2/3/1990	6	1	4	4	3,8	Không đạt	
439	DTK1051020325	Cao Văn	Tuấn	24/10/92	6	8	B	B	3,5	Thiếu ban	
440	DTK1051030065	Nguyễn Ngọc	Tuấn	26/12/92	B	B	B	7	1,8	Thiếu ban	
441	DTK1151020169	Trần Minh	Tuấn	10/09/93	9	6	9	7	7,8	Đạt	Học theo nhu cầu
442	DTK1151030167	Dương Văn	Tuấn	8/1/1993	7	4	B	6	4,3	Thiếu ban	Học theo nhu cầu
443	K125520201131	Đặng Văn	Tuấn	17/01/94	7				1,8	Thiếu ban	
444	K125520201223	Nguyễn Văn	Tuấn	03/10/94	6	7	8		5,3	Thiếu ban	
445	K125520201297	Nguyễn Mạnh	Tuấn	15/05/93	4	7	6	7	6,0	Thiếu ban	
446	K125520216075	Phan Văn	Tuấn	08/11/93		7			1,8	Thiếu ban	
447	K125520216210	Trương Văn	Tuấn	14/11/94			5		1,3	Thiếu ban	
448	K125520216211	Phùng Mạnh	Tuấn	12/04/94	7	7	8	6	7,0	Đạt	Học theo nhu cầu
449	K135520201125	Hoàng Văn	Tuấn	02/02/95		6			1,5	Thiếu ban	
450	K125520216168	Đào Minh	Tuệ	27/01/94				7	1,8	Thiếu ban	
451	11110740144	Phùng Thanh	Tùng	20/09/88		4		5	2,3	Thiếu ban	
452	DTK0851020223	Vũ Hoàng	Tùng	11/5/1990	6	7	5	K	4,5	Thiếu ban	
453	DTK0951020212	Nguyễn Thanh	Tùng	19/01/91	6		8	6	5,0	Thiếu ban	
454	DTK0951020494	Bùi Thanh	Tùng	16/10/91	B	6	7	8	5,3	Thiếu ban	
455	DTK0951020497	Nông Thanh	Tùng	9/1/1991	Bỏ thi	6	5	7	4,5	Thiếu ban	
456	DTK0951020784	Đoàn Duy	Tùng	29/03/90			7		1,8	Thiếu ban	
457	DTK1051020069	Nguyễn Văn	Tùng	10/03/92	7	7	7	6	6,8	Đạt	
458	DTK1151020161	Nguyễn Văn	Tùng	26/01/1992	6	8	8	8	7,5	Đạt	Học theo nhu cầu
459	DTK1151030218	Dương Ngọc	Tùng	18/01/93	b	1	8		2,3	Thiếu ban	
460	K125520201053	Dương Thanh	Tùng	15/07/94		6	8	7	5,3	Thiếu ban	

STT	Mã số SV	Họ	Tên	Ngày sinh	ĐL	ĐT	TB	MĐ	Trung bình	Xét	Ghi chú
461	K125520201123	Đào Tiến	Tùng	21/05/94		8	8		4,0	Thiếu ban	
462	K125520201289	Lê Nguyên	Tùng	06/06/93	9	2	7	6	6,0	Đạt	
463	K125520201307	Đào Gia	Tùng	10/04/93	9	7	7		5,8	Thiếu ban	
464	K125520216068	Triệu Sơn	Tùng	23/12/94	9	7	6	6	7,0	Đạt	Học theo nhu cầu
465	K125520216204	Vũ Việt	Tùng	3/12/1994		6	6	5	4,3	Thiếu ban	Bổ xung
466	K135520216172	Nguyễn Văn	Tùng	03/08/95		8		6	3,5	Thiếu ban	
467	K135520216360	Vũ Duy	Tùng	23/04/95		6			1,5	Thiếu ban	
468	DTK0951020785	Nguyễn Văn	Tước	10/6/1990	B	6	B	B	1,5	Thiếu ban	
469	DTK1151020400	Bế Văn	Tướng	25/04/91			7	6	3,3	Thiếu ban	
470	DTK1151060012	Nguyễn Viết	Tường	01/03/93	9	7	8	7	7,8	Đạt	
471	DTK0951020786	Vũ Viết	Tuyên	26/07/89	9	1		7	4,3	Thiếu ban	
472	DTK0951020787	Nguyễn Văn	Tuyên	25/03/87	7	7	5		4,8	Thiếu ban	
473	DTK1151020465	Hoàng Bá Quang	Tuyển	12/11/93			8	7	3,8	Thiếu ban	
474	K125520201133	Nguyễn Văn	Tuyển	24/08/94				6	1,5	Thiếu ban	
475	K125520216099	Dương Văn	Tuyển	09/02/94	8	7	6	7	7,0	Đạt	
476	DTK1151030221	Đỗ Quang	Tuyển	03/12/93	7	5	7	6	6,3	Đạt	
477	DTK0951030219	Hoàng Văn	Ty	04/05/89			7	6	3,3	Thiếu ban	
478	K125520201225	Hoàng Thế	Văn	02/10/94			8	6	3,5	Thiếu ban	
479	DTK0951020069	Nguyễn Khang	Vân	10/6/1991	4	B	7		2,8	Thiếu ban	
480	DTK0951020789	Nguyễn Đức	Vị	28/12/88	B	6	B	B	1,5	Thiếu ban	
481	K125520201067	Trịnh Xuân	Viên	12/03/94		2	7		2,3	Thiếu ban	
482	DTK0951020790	Nguyễn Khắc	Việt	9/10/1990			7		1,8	Thiếu ban	
483	DTK1151020468	Trịnh Quang	Việt	19/11/1992			8		2,0	Thiếu ban	WSH304 - Trang bị
484	K125520201136	Phạm Đức	Việt	10/09/94				6	1,5	Thiếu ban	
485	K125520201137	Phạm Văn	Việt	08/11/94	5				1,3	Thiếu ban	
486	K125520201226	Phan Viết	Việt	19/11/93		7	8		3,8	Thiếu ban	
487	K125520201300	Khổng Tiến	Việt	29/05/94	8	8	8	8	8,0	Đạt	
488	K125520216077	Lê Quang	Việt	15/09/92	8	6	8	7	7,3	Đạt	Học theo nhu cầu
489	K125520216170	Vũ Ngọc	Việt	13/05/1994	9	7	8	8	8,0	Đạt	Học theo nhu cầu
490	K125520216270	Trần Đức	Việt	05/06/94		b			0,0	Thiếu ban	
491	DTK0951020573	Nguyễn Danh	Vinh	17/08/91			7	6	3,3	Thiếu ban	

STT	Mã số SV	Họ	Tên	Ngày sinh	ĐL	ĐT	TB	MĐ	Trung bình	Xét	Ghi chú
492	DTK1151020408	Trần Đình	Vinh	17/04/92	8	B	8	6	5,5	Thiếu ban	Học theo nhu cầu
493	DTK0951020793	Đoàn Quang	Vĩnh	11/10/1987	8	8		7	5,8	Thiếu ban	
495	DTK0951020072	Nguyễn Văn	Vũ	2/12/1990		8	5	8	5,3	Thiếu ban	
496	DTK0951020794	Nguyễn Đình	Vũ	12/7/1989	8	1		6	3,8	Thiếu ban	
497	DTK0951020795	Nguyễn Duy	Vũ	12/6/1991	7				1,8	Thiếu ban	
498	DTK1051020165	Hoàng Tuấn	Vũ	29/08/92	8	6	6	5	6,3	Đạt	
499	DTK1051020247	Nguyễn Duy	Vũ	12/6/1991		1			0,3	Thiếu ban	
501	DTK1051020329	Nguyễn Tuấn	Vũ	10/10/92			7		1,8	Thiếu ban	
502	DTK1151030224	Trần Tuấn	Vũ	22/07/93	9	7	6		5,5	Thiếu ban	
503	K135520216176	Đào Tuấn	Vũ	18/02/95		1		6	1,8	Thiếu ban	
504	K125520216171	Vi Thị	Vui	16/10/94	8		8		4,0	Thiếu ban	
505	DTK0951020796	Nguyễn Văn	Vượng	7/5/1992				6	1,5	Thiếu ban	
507	K135520201256	Đỗ Thị	Xuân	20/07/95		7			1,8	Thiếu ban	
508	K125520216079	Nguyễn Đắc	Yên	09/01/94	5			6	2,8	Thiếu ban	
509	K125520201138	Hoàng Thị	Yến	13/07/94	8	7	7	8	7,5	Đạt	
510	K135140214075	Nguyễn Thị	Yên	13/11/94	6				1,5	Thiếu ban	

Ấn định danh sách: 510 SV

